

Bản án số: 82/2022 /HC-PT

Ngày: 30/3/2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh vực
quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Lê Tự**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Đỗ Xuân Ân** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 358/2021/TLPT-HC về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 90/2021/HC- ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1318/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 13, khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn S, Văn phòng Luật sư Nguyễn S - Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt

- **Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T
2. Ủy ban nhân dân thành phố T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung H – Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Đinh Hữu T – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt

+ Ông Nguyễn Ngọc T – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Ông Thái Hùng N – Chủ tịch UBND phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trường S – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam; có mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972; có mặt

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 13, khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1969; vắng mặt

4. Bà Nguyễn Thị M T, sinh năm 1992; vắng mặt

5. Bà Nguyễn Vũ M T, sinh năm 2002; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ 13, khối phố Mỹ An, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

6. Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1985; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam; có mặt

7. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng; có mặt

8. Ông Trần Văn M, sinh năm 1960; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của người khởi kiện tại phiên tòa:

Nguồn gốc thửa đất 85, tờ bản đồ số 24, diện tích 454,9m² của hộ ông Nguyễn Văn T là của cha mẹ để lại và thừa kế cho các con để làm nhà, trên đất có nhà thờ của ông bà, sân vườn, cây lâu năm do hộ em ruột ông T là ông

Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn T quản lý sử dụng. Ngày 18/1/2017, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 516/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn S để thực hiện dự án tại thửa đất số 85, tờ bản đồ 24 với tổng diện tích 554,9m² (gồm 375,4m² đất ở và 179,5m² đất vườn). Ngày 22/2/2017, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1985/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn S với số tiền 980.926.323 đồng. Tuy nhiên, trong diện tích đất ở trên có 100m² trước đây đã được cho riêng chị ruột là bà Nguyễn Thị H (nay đã chết, con ruột bà Nguyễn Thị Như H thừa kế), nên đến ngày 14/12/2018, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 7233/QĐ-UBND điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 516/QĐ-UBND từ thu hồi 554,9m² thành diện tích thu hồi là 454,9m² (phân thành 275,4m² đất ở đô thị và 179,5m² đất trồng cây lâu năm). Đồng thời có Quyết định số 7537/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 điều chỉnh Điều 1 Quyết định 1985 từ 980.926.323 đồng thành 696.229.383 đồng.

Việc bố trí tái định cư: Đến ngày 26/4/2019, UBND thành phố T ban hành thông báo bố trí 01 lô tái định cư cho hộ Nguyễn Văn S tại lô số 16, khu CL16 thuộc khu tái định cư đường Đ, thành phố T, diện tích 100m², tuy nhiên theo cơ chế đất đổi đất thì hộ gia đình ông T phải nộp thêm số tiền là 20.000.000 đồng. Ngày 04/10/2019, UBND thành phố T tiếp tục bố trí thêm 02 lô tái định cư nhưng phải nộp tiền 100% tiền sử dụng đất theo đơn giá mới theo Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam trong khi bị thu hồi và bồi thường theo giá đất năm 2016, 2017 là không phù hợp.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại.

- Hủy Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S), thường trú tại khối phố M, phường A, thành phố T.

- Hủy Quyết định số 6359/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi thửa đất số 85, tờ bản đồ số 24, diện tích 454,9m² cho những người thừa kế của ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 529/UBND ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố T và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T tại phiên toà:

Về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S), thường trú tại khối phố M, phường A, thành phố T: Ngày 18/11/2020, UBND thành phố T đã

ban hành Quyết định số 6359/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

Về yêu cầu buộc UBND thành phố T bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi thửa đất số 85, tờ bản đồ số 24, diện tích 454,9m² cho những người thừa kế của ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị H theo đúng quy định của pháp luật:

Hộ ông Nguyễn T (chết), bà Huỳnh Thị H (chết) sử dụng từ trước năm 1975. Theo hồ sơ 299/TTg, hộ ông Nguyễn T có sử dụng đất tại thửa số 568, tờ bản đồ số 01, diện tích 810m², trong đó có 500m² đất ở và 310m² đất màu. Trong quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn T có con ông Nguyễn Văn T 124,6m² đất ở để ông Nguyễn Văn T làm nhà và cho con gái là bà Nguyễn Thị H 100m² đất ở có nhà ở. Khi thực hiện dự án xây dựng đường Đ đã bồi thường riêng cho hộ ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H theo quy định. Diện tích đất còn lại 275,4m² đất ở đô thị và 179,5m² đất cây lâu năm (đất vườn), hộ ông Nguyễn Văn S (con T) tiếp tục quản lý sử dụng.

Ngoài việc có tên kê khai đăng ký sử dụng đất theo hồ sơ 299/TTg thì hộ ông Nguyễn T (chết), bà Huỳnh Thị H (chết) – đại diện là Nguyễn Văn S không cung cấp được một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 để được xác định lại toàn bộ sản diện tích đất của hộ ông đang sử dụng là loại đất ở.

Tại thời điểm triển khai dự án, cụ thể là thời điểm lập thủ tục bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Văn S thì Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam chưa được ban hành cho nên UBND thành phố T áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực pháp luật đó là Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Căn cứ vào hồ sơ đất đai, hồ sơ về hộ khẩu, nhập khẩu sống trên thửa đất ở bị thu hồi, UBND thành phố T bố trí cho hộ ông Nguyễn T (chết) - đại diện là ông Nguyễn Văn S 01 lô đất tái định cư tại khu tái định cư phục vụ đường Đ, phường A được hỗ trợ 100% chênh lệch tiền sử dụng đất là theo quy định tại khoản 1, Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Đối với ông Nguyễn Văn S: Xét trường hợp ông Nguyễn Văn S đã có vợ sinh 01 con gái năm 2009 nhưng chưa đăng ký kết hôn và có 01 người em trai sinh năm 1979 chưa lập gia đình cùng chung sống trong hộ ông S nên UBND thành phố T vận dụng quy định tại khoản 2, Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam để giao cho hộ ông S 01 lô đất ở theo đơn giá khởi điểm tại thời điểm giao đất, nộp 100% tiền sử dụng đất và không được nợ tiền sử dụng đất để hộ ông Nguyễn Văn S làm nhà ở là đã có sự quan tâm, tạo điều kiện cho hộ ông Nguyễn Văn S ổn định cuộc sống.

Do vậy, việc ông Nguyễn Văn T đề nghị bố trí cho hộ gia đình ông 02 đất tái định cư theo cơ chế đất đổi đất tại Khu tái định cư phục vụ dự án đường Đ theo quy định tại mục a, điểm 2, khoản 4 Điều 2 Quyết định 19/2017/QĐ-

UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam là không sở để xem xét giải quyết.

Về việc xem xét tính tiền sử dụng đất đối với lô phụ mà UBND thành phố T bố trí cho ông Nguyễn Văn S (em của ông Nguyễn Văn T) tại Thông báo số 1747/TB-UBND ngày 04/10/2019 theo đơn giá để bố trí tái định cư và giá tại thời điểm thu hồi đất tương tự như các hộ khác trong cùng dự án: Xét trường hợp ông Nguyễn Văn S đã có vợ sinh 01 con gái năm 2009 (chưa đăng ký kết hôn) và có 01 người em trai sinh năm 1979 chưa lập gia đình, cùng chung sống trong hộ ông S nên UBND thành phố T căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam và điểm d, mục 1 phần II Thông báo số 225/TB-UBND ngày 27/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam để giao cho hộ ông S 01 lô đất ở theo đơn giá khởi điểm tại thời điểm giao đất, nộp 100% tiền sử dụng đất và không được nợ tiền sử dụng đất là đúng theo quy định tại khoản 3, Điều 108 Luật Đất đai. Do vậy, việc tính tiền sử dụng đất đối với lô phụ mà UBND thành phố T bố trí cho ông Nguyễn Văn S (tại Thông báo số 1747/TB-UBND ngày 04/10/2014 của UBND thành phố) theo đơn giá khởi điểm tại thời điểm giao đất là đúng quy định pháp luật.

Từ những nội dung nêu trên, quan điểm của UBND thành phố T không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Theo Văn bản số 6904/UBND-Nc ngày 19/11/2020 của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Quyết định 2056/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại, yêu cầu UBND thành phố Tam kỳ thu hồi, huỷ bỏ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua làm việc với ông Nguyễn Văn T (tại Biên bản ngày 25/5/2009 10/7/2020) và theo Công văn số 31/CV-UBND ngày 16/7/2020 của UBND phường A, vợ chồng ông Nguyễn T (chết khoảng năm 2001) Huỳnh Thị H (chết khoảng năm 2001) có 04 người con chung là ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Tiến (ông Tiến chết năm 2011 có 02 người con). Ngoài ra, ông Nguyễn T có 02 con riêng với bà Võ Thị H (sau khi bà Võ Thị H chết thì ông Tráng lập gia đình với bà Huỳnh Thị H) là bà Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị H (bà H chết năm 2017, có con gái là Nguyễn Thị Như H); bà Huỳnh Thị H có con riêng trước khi lập gia đình với ông T là ông Nguyễn Văn M.

Đối với diện tích đất tặng cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H: UBND thành phố T đã thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho 02 hộ trên, các hộ đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Đối với diện tích 454,9m² còn lại sau khi tặng cho do ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn T quản lý sử dụng (diện tích đất có Đơn khiếu nại): Ngày

14/12/2018, UBND thành phố T có Quyết định số 7233/QĐUBND thu hồi diện tích 454,9m² đất, gồm: 275,4m² đất ở tại đô thị và 179,5m² đất trồng cây lâu năm (đất vườn) của hộ ông Nguyễn T (chết) - ông Nguyễn Văn S (người đại diện) để xây dựng đường Đ. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 717.720.273 đồng. Qua làm việc với ông Nguyễn Văn T, gia đình ông ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S nhận đầy đủ số tiền trên.

Liên quan đến việc ủy quyền để thực hiện việc khiếu nại: Qua làm việc với ông Nguyễn Văn T, ông T cung cấp Giấy ủy quyền được Văn phòng Công chứng Lê Đạo công chứng ngày 24/10/2019, nội dung ông S ủy quyền cho ông T: “*Trực tiếp liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm để giải quyết các thủ tục giấy tờ giải tỏa đền bù theo quy định của pháp luật*”. Qua xem xét Giấy ủy quyền trên, nhận thấy, ông S ủy quyền cho ông T để giải quyết các thủ tục về giải tỏa đền bù chứ không phải ủy quyền để thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của Luật Khiếu nại. Đồng thời, diện tích đất 454,9m² của hộ gia đình ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị H bị thu hồi để thực hiện dự án đường Đ thuộc quyền thừa kế theo pháp luật của các con ông Nguyễn T, bà Huỳnh Thị H. Tuy nhiên, trong quá trình khiếu nại lần 1 tại UBND thành phố T và lần 2 tại UBND tỉnh, ông T không có giấy ủy quyền của những người có quyền thừa kế về việc ủy quyền cho ông T để thực hiện việc khiếu nại. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011, trường hợp khiếu nại của ông Nguyễn Văn T không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết.

Từ các căn cứ trên, khẳng định Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại đối với Đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T và yêu cầu UBND thành phố T thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T là phù hợp theo quy định của pháp luật; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh bác nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Thị H, bà Nguyễn Thị M T, bà Nguyễn Vũ M T, bà Nguyễn Thị Như H, bà Nguyễn Thị D, ông Trần Văn M thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Với nội dung vụ án được xác định như trên, **tại Bản án hành chính sơ thẩm số 90/2021/HC- ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 2, Điều 11, Điều 18 Điều 21, Điều 31, Điều 40 Luật khiếu nại 2011, Điều 103 Luật đất đai 2013; Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi thửa đất số 85, tờ bản đồ số 24, diện tích 454,9m² là đất ở cho những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với các yêu cầu: Hủy Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại; hủy Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S), thường trú tại khối phố M, phường A, thành phố T; hủy Quyết định số 6359/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 30/11/2021, Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố T (Sau đây gọi là Người bị kiện) kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi thửa đất số 85, tờ bản đồ số 24, diện tích 454,9m² là đất ở cho những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; Người bị kiện không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu như trên; Người bảo vệ quyền lợi cho Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người bị kiện; Người bảo vệ quyền lợi cho Người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người bị kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 90/2021/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện đồng thời là Người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt; Người khởi kiện và những Người liên quan đến nội dung kháng cáo, những người bảo vệ quyền lợi cho Người bị kiện có mặt tại phiên tòa đều đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của Người bị kiện đề nghị: Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi thửa đất số 85, tờ bản đồ số 24, diện tích 454,9m² là đất ở cho những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị H thì thấy:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện: Ngày 18/01/2017, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 516/QĐ-UBND thu hồi 554,9m² đất gồm 375,4m² đất ở tại đô thị và 179,5m² đất trồng cây lâu năm của hộ ông Nguyễn T (chết) ông Nguyễn Văn S (người đại diện) thuộc thửa đất 85, tờ bản đồ số 24, phường T, thành phố T. Nguồn gốc diện tích 554,9m² đất bị thu hồi để làm dự án nguyên là của Hộ ông Nguyễn T (chết), bà Huỳnh Thị H (chết) sử dụng từ trước năm 1975. Theo hồ sơ 299/TTg, hộ ông Nguyễn T có sử dụng đất tại thửa số 568, tờ bản đồ số 01, diện tích 810m², trong đó có 500m² đất ở và 310m² đất màu. Trong 500m² đất ở đã đăng ký thì trong quá trình sử dụng đất cụ T đã cho cụ Nguyễn Thị H là chị ruột 100m² (nay đã chết, con ruột bà Nguyễn Thị Như H thừa kế) và cho con trai là ông Nguyễn Văn T 124,6m² nên diện tích đất ở còn lại là 275m² và đất vườn 179m² nên ngày 14/12/2018, UBND thành phố Tam kỳ ban hành Quyết định số 7233/QĐ-UBND điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 516/QĐ-UBND từ thu hồi 554,9m² thành diện tích thu hồi là 454,9m² (phân thành 275,4m² đất ở đô thị và 179,5m² đất trồng cây lâu năm). Đồng thời có Quyết định số 7537/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 điều chỉnh Điều 1 Quyết định 1985 từ bồi thường 980.926.323 đồng còn 696.229.383 đồng. Ngoài việc kê khai đăng ký sử dụng đất theo hồ sơ 299/TTg thì hộ cụ Nguyễn T sau này là ông Nguyễn Văn S là người quản lý sử dụng không có một trong các loại giấy tờ để chứng minh quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 để được xác định lại toàn bộ diện tích đất của hộ ông S đang sử dụng là đất ở.

[3]. Ủy ban nhân dân thành phố T căn cứ vào hồ sơ 299/TTg để xác định diện tích 454,9m² đất còn lại bị thu hồi của hộ cụ T có 275,4m² (500m² – 224,6m²) đất ở đô thị là có căn cứ, đúng với diện tích đã thể hiện trong hồ sơ đăng ký 299/TTg của hộ cụ T và giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đúng quy định. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi thửa đất số 85, tờ bản đồ số 24, diện tích 454,9m² là đất ở cho những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị H là không có căn cứ. Kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi thửa đất số 85, tờ bản đồ số 24, diện tích 454,9m² là đất ở cho những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị H là không có căn cứ. Kháng cáo của Người bị kiện có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 90/2021/HC- ST

ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về nội dung trên.

[5]. Do kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 32 khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 90/2021/HC- ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng: Các Điều 63, 66, 69, 79, 100 và Điều 103 Luật Đất đai năm 2013;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi thửa đất số 85, tờ bản đồ số 24, diện tích 454,9m² là đất ở cho những người thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với các yêu cầu: Hủy Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại; hủy Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S), thường trú tại khối phố M, phường A, thành phố T; hủy Quyết định số 6359/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T.

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0002551 ngày 14/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam không phải chịu án phí chính sơ thẩm.

4. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều Điều 32 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân thành phố T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 000024 ngày 25/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến